

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 230/2025/DS-PT
Ngày 25-11-2025
V/v Kiện đòi tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Trường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Hải

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Ông Hoàng Xuân Tân – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về Kiện đòi tài sản (tiền)

Do bản án sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 199/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ông Trần Doãn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm Q, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Xóm T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị C1, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm Q, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Doãn H trình bày:

Khoảng năm 2017 – 2018 ông Bùi Văn C và vợ là bà Bùi Thị N có đến cửa hàng của ông để mua thuốc bảo vệ thực vật phục vụ cho việc trồng cam của gia đình. Lúc thì ông C trực tiếp mua, lúc thì bà N trực tiếp mua và đều ký tên trong sổ. Những lần mua thuốc bảo vệ thực vật do con dâu ông C tên là Bùi Thị C1 bán và hướng dẫn ký vào sổ nợ, tổng số nợ là 21.001.000 đồng. Đến ngày 28/01/2019 bà N trực tiếp ra cửa hàng nhà ông trả nợ số tiền là 10.000.000 đồng, chót nợ còn 11.001.000 đồng, bà ký thay cho ông C chữ ký ghi tên C, Bùi Văn C.

Trong quá trình giải quyết, ông C và bà N đều khai mua thuốc bảo vệ thực vật của một người đàn ông tên D ở Hà Nội chứ không phải mua nhà ông, chị C1 chỉ là người trung gian ghi nợ sổ sách, thực chất người đàn ông tên D là cháu họ ông, chuyên cung cấp cho đại lý nhà ông, chứ D ở nơi khác đến không biết ai với ai nên không có chuyện D cho ông C nợ. Hiện D đã lấy vợ bên Trung Quốc và sang đó sinh sống, D không liên quan gì đến việc nợ của ông và vợ chồng ông C.

Gia đình ông đã cung cấp đầy đủ cho Tòa bằng chứng về việc cấp giấy phép kinh doanh đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, gia đình ông là người trực tiếp bán và thu tiền nợ, tiền nhập hàng của đại lý ông đã thanh toán tiền cho D. Việc giao dịch mua bán đều do ông C và bà N thực hiện tại cửa hàng nhà ông và mỗi lần lấy thuốc bảo vệ thực vật đều ký tên đầy đủ và chót nợ, ông C, bà N đã thừa nhận. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án buộc ông C và bà N trả cho ông số tiền nợ là 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày:

Khoảng năm 2017 – 2018 vợ chồng ông có đầu tư trồng cam nên có nhu cầu mua thuốc trừ sâu và phân bón của một người đàn ông tên D ở Hà Nội, ông mua rất nhiều lần tổng số tiền nợ là 21.001.000 đồng. Trong quá trình mua thuốc trừ sâu ông C chưa trả cho ông D một lần nào, chỉ duy nhất một lần vợ ông mang tiền trả cho D qua trung gian là con dâu ông H là chị C1 số tiền 10.000.000 đồng, bà N trực tiếp đi trả nhưng không có giấy tờ.

Ông xác nhận chữ ký trong sổ ghi chép mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án vào ngày 19/11/2017, 09/01/2018, 13/01/2018, 01/3/2018, 13/3/2018 là của ông. Còn lại các ngày 07/3/2018, 27/3/2018, 10/4/2018, 12/5/2018, 28/01/2018 không phải là chữ ký của ông. Ông thừa nhận số tiền mà chị C1 chót nợ là đúng

nhưng ông không thừa nhận nợ ông H mà nợ người đàn ông tên D tại Hà Nội. Tuy nhiên thời gian đã rất lâu ông không liên hệ được với D, không biết địa chỉ ở đâu nên khi nào ông D lên đòi nợ ông sẽ trả, ông không đồng ý trả cho ông H và chị C1 vì chỉ là trung gian đứng ra ghi nợ hộ ông D.

Bị đơn bà Bùi Thị N cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có ý kiến: Bà không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn vì bà không biết việc mua thuốc trừ sâu của ông C với những ai, bà chỉ đứng ra trả cho ông C 10.000.000 đồng cho người đàn ông ở Hà Nội tên D thông qua chị Bùi Thị C1 là người thu hộ, việc trả nợ số tiền 10.000.000 đồng không có giấy tờ gì, hiện tại gia đình bà còn nợ ông D 11.001.000 đồng. Tuy nhiên đã lâu ông D không lên nhà bà, gia đình bà cũng không liên hệ được, không biết địa chỉ cụ thể nên khi nào anh D lên đòi nợ gia đình bà sẽ trả cho ông D số tiền còn nợ. Bà không thừa nhận chữ ký các ngày 28/01/2018, 07/3/2018, 27/3/2018, 10/4/2018 và 12/5/2018 trong sổ nợ mà nguyên đơn cung cấp là chữ ký của bà (BL53) nhưng đến ngày 27/6/2025, tại bản tự khai bà N đã thừa nhận đó là chữ ký của mình và chính bà là người đã trả tiền thuốc trừ sâu cho ông D và chị C1 là người nhận thay vào ngày 28/01/2018 và chốt số nợ còn lại là 11.001.000 đồng (BL106).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị C1 đồng ý với lời khai và yêu cầu của nguyên đơn, chị C1 trình bày:

Chị là con dâu ông H, ông C và bà N là người trực tiếp mua thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý của gia đình chị, chị là chủ hộ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật có đầy đủ giấy tờ pháp lý do Nhà nước cung cấp. Chị xác nhận chữ ký vào ngày 19/11/2017, 09/01/2018, 13/01/2018, 01/3/2018, 13/3/2018 là của ông C. Những chữ ký và chữ viết vào ngày 07/3/2018, 27/8/2018, 10/4/2018, 12/5/2018, 28/01/2018 là chữ ký của bà Bùi Thị N, ký hộ tên của ông C, do tin tưởng nên chị để cho bà N ký thay ông C. Quá trình ghi chép trong sổ lúc thì chị ghi ông Thanh C2, lúc thì chị ghi ông T vì ở địa phương chị sinh sống khi giao tiếp hay gọi tên con trai cả thay cho tên bố nên lúc thì gọi ông C2 là “Cảnh”, lúc thì gọi là “T” hoặc “Thanh Cảnh”, chị xác nhận đó là một người – ông Bùi Văn C. Mặt khác, trong quá trình ghi sổ sách do lúc đó là đầu năm nên chị bị nhầm lẫn thời điểm chốt tổng số nợ và chốt số nợ còn lại, thực tế là ngày 26/01/2019 và ngày 28/02/2019 chứ không phải ngày 26/01/2018 và 28/01/2018.

Bà N và ông C đã thừa nhận những chữ ký và chữ viết trên đúng là của ông bà ký vào sổ nợ nhà chị, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại ông bà đều không muốn trả nợ. Lý do ông bà đưa ra là ông bà không trực tiếp lấy thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý của chị mà từ một người đàn ông tên D dưới Hà Nội nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh lấy hàng từ chỗ ông D. Thực chất anh D là họ hàng nhà chị, anh D mang thuốc bảo vệ thực vật cung cấp cho đại lý nhà

chị là đại lý cấp 1, chị nhận hàng và thanh toán tiền hàng cho anh D, còn việc chị bán hàng cho người dân giá cả ra sao do chị trực tiếp thu tiền của người dân, anh D không liên quan. Chị đề nghị Tòa án buộc ông C và bà N trả cho gia đình chị số tiền còn nợ là 11.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bà Bùi Thị A và anh Trần Văn C3 quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã có bản tự khai đồng ý với quan điểm của ông Trần Doãn H và chị Bùi Thị C1, đề nghị từ chối tham gia tố tụng.

Bản án sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 6/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Doãn H, buộc ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị N phải liên đới trả ông Trần Doãn H số tiền 11.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/8/2025, bị đơn bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 6/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ. Bà không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án triệu tập ông D tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy các giấy ghi nợ là do chị Bùi Thị C1 trực tiếp ghi vào sổ sau mỗi lần lấy hàng, đến ngày 28/01/2028 (thực chất là ngày 28/01/2019) chị C1 và bà N đã đối chiếu và chốt công nợ của năm 2027, 2018 với số tiền bà N đã trả 10 triệu đồng, còn nợ lại 11 triệu đồng. Chữ ký trong sổ ghi chép công nợ đều được Bị đơn xác nhận là đúng chữ ký của bị đơn. Vì vậy án sơ thẩm buộc ông Bùi Văn C

và bà Bùi Thị N trả nợ cho ông Trần Doãn H số tiền 11 triệu đồng là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh việc mua bán thuốc bảo vệ thực vật với anh D, không cung cấp được địa chỉ, số điện thoại liên hệ của anh D. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 6/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ tòa diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Bùi Văn C và bà Bùi Thị N trả số tiền còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Thị N kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Doãn H yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị N phải trả số tiền còn nợ khi mua thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng nhà ông C từ năm 2017 - 2018 với số tiền là 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự đều xác nhận số tiền chót nợ là 21.001.000 đồng và bà N đã trả trước số tiền 10.000.000 đồng tại cửa hàng cho chị C1 – con dâu ông C và chót số nợ còn lại là 11.001.000 đồng. Tuy nhiên, ông C và bà N đều cho rằng ông bà nợ một người đàn ông tên D ở Hà Nội, chị C1 chỉ là người trung gian ghi chép công nợ, gia đình ông bà nợ ông D chứ không nợ gia đình ông H, khi nào ông D yêu cầu trả nợ thì ông bà sẽ trả.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ đã thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án để nhận định và tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N:

Bà Bùi Thị N kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập ông D để đối chất, làm rõ việc mua bán thuốc trừ sâu. Hội đồng xét xử xét thấy, cả ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị N đều không cung

cấp được họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại liên hệ với ông D; không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh về việc ông C, bà N mua thuốc trừ sâu của ông D và trả nợ cho ông D thông qua đại lý thuốc trừ sâu của gia đình ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đã xác nhận chữ ký trong sổ ghi chép mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án vào ngày 19/11/2017, 09/01/2018, 13/01/2018, 01/3/2018, 13/3/2018 là của ông; bà Bùi Thị N cũng đã thừa nhận bà ký nhận nợ trong các ngày 07/3/2018, 27/3/2018, 10/4/2018 và 12/5/2018 trong sổ nợ, trả nợ 10 triệu đồng ngày 26/01/2018 (thực chất là ngày 26/01/2019) và chốt sổ nợ còn lại là 11.001.000 đồng ngày 28/01/2018 (thực chất là ngày 28/01/2019). Như vậy, chính ông C và bà N đã ký xác nhận việc mua thuốc bảo vệ thực vật vào sổ bán hàng của đại lý nhà ông H, đã trả số tiền 10.000.000 đồng và chốt nợ lại số tiền 11.000.000 đồng vào sổ nhà ông H. Việc ông C và bà N trình bày mua thuốc trừ sâu của ông D nhưng lại ký nhận nợ vào sổ ghi chép tại cửa hàng của gia đình ông H là không logic, không phù hợp với chứng cứ khách quan và các tình tiết khác trong quá trình giải quyết vụ án.

Về phía gia đình ông Trần Doãn H thừa nhận họ hàng của gia đình ông có người đàn ông tên D, trước đây ông D là người cung cấp hàng cho đại lý nhà ông nhưng ông D không phải là người sinh sống tại địa phương, không liên quan gì đến việc mua bán thuốc trừ sâu giữa cửa hàng nhà ông với ông C và bà N. Người dân địa phương cũng khẳng định việc mua bán thuốc trừ sâu là mua của đại lý nhà ông H, chứ không mua trực tiếp của ông D.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ.

2. Về án phí: Bị đơn bà Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001627 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 25/11/2025./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Trường